

BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/2005/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 08 tháng 9 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Ban hành tiêu chuẩn:

Bè cứu sinh nhẹ - Quy phạm bảo quản dự trữ quốc gia

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa số 18/1999/PL-UBTVQH10 ngày 24/12/1999 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia số 17/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29/4/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Nghị định số 179/2004/NĐ-CP ngày 21/10/2004 của Chính phủ quy định quản lý Nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính Phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia,

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Tiêu chuẩn Ngành: Bè cứu sinh nhẹ - Quy phạm bảo quản Dự trữ quốc gia (ký hiệu là TCN 07: 2005).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Cục trưởng Cục Dự trữ quốc gia, Chánh văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tài chính trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm tổ chức thực hiện và kiểm tra thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Huỳnh Thị Nhân

TIÊU CHUẨN NGÀNH

TCN 07: 2005

BÈ CỨU SINH NHẸ

QUY PHẠM BẢO QUẢN DỰ TRỮ QUỐC GIA

Lời nói đầu:

TCN 07: 2005 do Trung tâm Khoa học bảo quản & Bồi dưỡng nghiệp vụ biên soạn, Cục Dự trữ Quốc gia đề nghị Bộ Tài chính ban hành theo Quyết định số 61/QĐ-BTC ngày 08/9/2005.

BÈ CỨU SINH NHẸ - QUY PHẠM BẢO QUẢN DỰ TRỮ QUỐC GIA

1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định những yêu cầu kỹ thuật, kiểm tra, giao nhận, vận chuyển, phương pháp bảo quản, xuất hàng và chế độ ghi chép báo cáo bè cứu sinh nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia trong điều kiện Việt Nam.

2. Tiêu chuẩn viện dẫn

SOLAS 74: Công ước quốc tế về an toàn sinh mạng con người trên biển.

ISO 4001 - 1977 (E): Tiêu chuẩn quốc tế về dụng cụ nổi cứu sinh dạng bè.

TCVN 5801 -10: 2001: Quy phạm phân cấp và đóng tàu sông - Phần 10: Trang bị an toàn.

TCVN 6278 - 2003: Quy phạm trang bị an toàn tàu biển.

3. Định nghĩa

Trong Tiêu chuẩn này áp dụng các định nghĩa sau:

3.1. Bè cứu sinh nhẹ

Bè cứu sinh nhẹ là loại bè chế tạo bằng thép, nhựa có các ngăn kín nước hoặc được chế tạo bằng các vật liệu có tính nổi, có dây bám và sàn, dùng để giữ được một số người nổi trên mặt nước và một số trẻ em/người quá yếu trên sàn.

3.2. Lô bè cứu sinh nhẹ

Lô bè cứu sinh nhẹ là số bè cứu sinh nhẹ có cùng ký hiệu, cùng kích thước, được sản xuất từ cùng nguyên liệu, theo cùng một phương pháp công nghệ, trong khoảng thời gian nhất định, được giao nhận cùng một lúc và có cùng một Giấy chứng nhận chất lượng.

4. Yêu cầu kỹ thuật bè cứu sinh nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia

4.1. Vật liệu

4.1.1. Vỏ bè

Làm bằng Composite hoặc nhựa High Density Polyethylen (HDPE); dày 1,5 ÷ 3,2 (mm), có màu da cam.

4.1.2. Cốt bè

Làm bằng Polyurethane foam hoặc Polystyren xốp (styrofoam)

4.1.3. Lưới đan trong lòng bè cứu sinh nhẹ

Bằng dây Polyeste không nhỏ hơn ϕ 6 mm (hoặc vật liệu cao phân tử tương đương)

4.1.4. Dây bám ngoài bè

Bằng Polyeste ϕ 10 ÷ 12 (mm) (hoặc vật liệu cao phân tử tương đương)

4.1.5. Tay bám

Bằng gỗ nhóm 3, cao su hoặc nhựa; đường kính 25 ÷ 38 (mm); dài 150 ÷ 200 (mm). Số lượng tay bám tối thiểu bằng số lượng người quy định sử dụng.

4.1.6. Mái chèo

02 mái bằng nhựa PE (Polyethylen) hoặc gỗ nổi được

4.2. Thể tích nổi

189 ÷ 300 (dm³)

4.3. Sức nổi

169 ÷ 260 (kg)

4.4. Khối lượng

20 ÷ 40 (kg)

4.5. Kích thước chính

4.5.1. Chiều dài

1.450 ÷ 2.000 (mm)

4.5.2. Chiều rộng

980 ÷ 1.100 (mm)

4.5.3. Đường kính thân

260 ÷ 300 (mm)

4.6. Độ bền mẫu vỏ bè

Được thử theo tiêu chuẩn ISO 105 A02.1993 và kết quả thử nghiệm phải đạt yêu cầu: sau 200 giờ chiếu sáng với cường độ ánh sáng bình thường mới có hiện tượng chuyển màu.

4.7. Độ bền cơ học

Bè cứu sinh nhẹ có kết cấu đảm bảo khi thả từ độ cao 10 m xuống nước không bị hư hỏng (nứt, lõm, thay đổi hình dạng...).

4.8. Độ nổi

Bè cứu sinh nhẹ nổi trong nước ngọt một thời gian tối thiểu là 24 giờ khi có treo 10 cục thép, mỗi cục nặng 14,5 kg vào dây vịn tại vị trí mỗi người và đặt khoảng 60 ÷ 115 kg lên trên lưới của bè cứu sinh nhẹ mà mép trên của bè không ngập nước.

4.9. Sức chở của bè cứu sinh nhẹ

Mười người và một khối lượng khoảng 60 ÷ 115 kg

4.10. Tính ổn định

Treo 7 cục thép, mỗi cục nặng 7 kg vào

dây vịn dọc theo một cạnh dài, bè cứu sinh nhẹ không bị lật và mép trên bè cứu sinh nhẹ không ngập nước.

4.11. Yêu cầu kỹ thuật của bè cứu sinh nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia phải thỏa mãn những quy định trong Tiêu chuẩn, Quy phạm: ISO 4001 - 1977 (E);

TCVN 6278 - 2003; TCVN 5801 - 10: 2001.

4.12. Thời gian từ khi sản xuất bè cứu sinh nhẹ đến khi nhập kho dự trữ quốc gia không quá 6 tháng (kể cả thời gian vận chuyển).

5. Kiểm tra, tiếp nhận

5.1. Kiểm tra hồ sơ kỹ thuật

5.1.1. Đối với cơ sở sản xuất trong nước cần kiểm tra

Giấy chứng nhận cơ sở chế tạo phương tiện cứu sinh còn hiệu lực.

Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm còn hiệu lực.

5.1.2. Đối với bè cứu sinh nhẹ sản xuất tại nước ngoài được nhập khẩu vào Việt Nam, cần kiểm tra

Giấy chứng nhận kiểu sản phẩm.

Các giấy chứng nhận trên đều do Đăng Kiểm Việt Nam cấp theo quy định.

5.1.3. Đối với mỗi lô hàng nhập kho

Bè cứu sinh nhẹ sản xuất trong nước cũng như nhập khẩu do Đăng kiểm Việt

Nam có thẩm quyền kiểm tra, thử và cấp giấy chứng nhận phù hợp bao gồm:

- Biên bản kiểm tra
- Giấy chứng nhận

Nội dung biên bản kiểm tra, giấy chứng nhận nêu rõ:

Loại sản phẩm (ký mã hiệu nếu có), nơi (cơ sở) chế tạo, công dụng, nơi sử dụng (phạm vi sử dụng), ngày, tháng năm sản xuất và các đặc tính kỹ thuật đảm bảo yêu cầu kỹ thuật như đã nêu ở mục 4.

5.2. Kiểm tra sản phẩm khi tiếp nhận

5.2.1. Kiểm tra toàn bộ lô hàng

5.2.1.1. Số lượng toàn bộ đúng với hợp đồng đã ký, số lượng mỗi lô phù hợp với số lượng được ghi trong biên bản kiểm tra và Giấy chứng nhận sản phẩm do Đăng kiểm Việt Nam cấp.

5.2.1.2. Bao bì mỗi bè cứu sinh nhẹ bằng Polypropylen (PP), bao mới nguyên, sạch, không bị xơ - thủng - nứt, miệng bao khâu chắc chắn, kín, đảm bảo ở trong không bị xộc xệch và mỹ thuật. Ngoài bao ghi: kiểu sản phẩm, tên cơ sở sản xuất, ngày sản xuất.

5.2.2. Lấy mẫu kiểm tra

Số bè cứu sinh nhẹ được mở ra kiểm tra tối thiểu là 2% nhưng không ít hơn 2 chiếc. Nội dung kiểm tra bao gồm:

5.2.2.1. Bề mặt bề cứu sinh nhẹ phải ghi đủ các nội dung đã quy định bằng mực hoặc sơn không phai, dấu nghiệm thu kiểm tra chất lượng sản phẩm, dấu ấn chỉ hoặc dán tem Đăng kiểm phù hợp với Giấy chứng nhận đã cấp. Bề mặt bề cứu sinh nhẵn mịn, màu không bị phai.

5.2.2.2. Các chi tiết kèm theo như dây bám, mái chèo, tay nắm phải có đủ và đúng quy cách với kiểu sản phẩm đã được duyệt.

5.2.2.3. Nếu một trong số các sản phẩm kiểm tra theo mục 5.2.2 không đạt yêu cầu thì phải tiến hành kiểm tra với số lượng gấp đôi và tất cả các sản phẩm được kiểm tra đều phải đạt yêu cầu thì lô sản phẩm đó được chấp nhận.

6. Vận chuyển

Phương tiện vận chuyển phải sạch sẽ, có mui che mưa nắng.

Trước khi xếp bề cứu sinh nhẹ lên xe hoặc đưa xuống xếp vào kho, phải chuẩn bị các phương tiện, dụng cụ vận chuyển, không được lôi kéo làm xây sát bề. Khi xếp lên xe theo chiều bề mặt làm việc hoặc phương nằm nghiêng (theo chiều rộng) và chằng buộc cẩn thận, không vận chuyển chung với hóa chất và các chất dễ gây bẩn làm ảnh hưởng đến chất lượng bề cứu sinh nhẹ.

7. Bảo quản

7.1. Yêu cầu về nhà kho

Kho có mái che, trần cách nhiệt tường bao quanh.

Nền kho bằng phẳng, cứng, chịu tải trọng tối thiểu đạt 3,0 tấn/m².

Kho cách xa các nguồn phát nhiệt dễ cháy nổ và hóa chất, tránh những nơi có đường dây điện cao thế đi qua.

Có đầy đủ các phương tiện phòng, chữa cháy, phòng chống bão lụt, nội quy và phương án xử lý khi có hỏa hoạn, bão lụt xảy ra.

Có hệ thống cửa thông gió hợp lý, khô ráo, thoáng mát. Trong kho có dụng cụ đo nhiệt độ và độ ẩm không khí, hệ thống đèn chiếu sáng phục vụ công tác bảo quản.

Có hệ thống chống chuột, phòng trừ mối, nấm mốc và các sinh vật khác.

Kho được vệ sinh sạch sẽ, kiểm tra kho trước khi đưa bề cứu sinh nhẹ vào bảo quản.

7.2. Yêu cầu đối với thủ kho

Nắm được nhiệm vụ của người thủ kho dự trữ quốc gia, có hiểu biết nhất định về sản phẩm đang bảo quản, được tập huấn về quy phạm bảo quản.

Thủ kho được trang bị bảo hộ lao động (giày dép, quần áo, khẩu trang, găng tay...) để làm tốt nhiệm vụ được giao.

7.3. Quy hoạch, kê xếp bề cứu sinh nhẹ bảo quản trong kho

0968772

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Bè cứu sinh nhẹ được quy hoạch bảo quản theo lô được xếp trên giá kê, để riêng từng chủng loại theo lô hàng và thời gian nhập kho.

Tầng dưới cùng của giá cách mặt nền kho tối thiểu 0,3 m.

Mặt trên cùng của lô bè cứu sinh nhẹ cách trần kho tối thiểu 2 m

Giá đỡ có 2 + 3 tầng làm bằng kim loại hoặc vật liệu tổng hợp đảm bảo chắc chắn và thuận tiện trong bảo quản.

Các tầng của giá cách nhau tối thiểu để được một bè cứu sinh nhẹ theo phương nằm nghiêng (≈ 1100 mm) hoặc có thể xếp chồng lên nhau theo chiều bề mặt làm việc nhưng không quá 4 lớp phao.

Giá để cách tường, cột nhà kho tối thiểu 0,5 m. Giữa hai hàng giá hoặc các lô phải cách nhau tối thiểu 1,5 m tạo lối đi hợp lý trong kho.

Đánh ký hiệu các tầng bè cứu sinh nhẹ để thuận lợi cho công việc bảo quản.

Bè cứu sinh nhẹ được sắp xếp ngay ngắn, chắc chắn, dễ quan sát, dễ kiểm đếm.

Có sơ đồ vị trí hàng hóa đang bảo quản trong kho để thuận tiện quan sát, theo dõi và kiểm tra hàng.

7.4. Ghi nhãn

Mỗi lô hàng xếp trong kho có đính một nhãn với nội dung sau:

Ký hiệu sản phẩm

Quy cách

Tên cơ sở sản xuất, địa chỉ

Ngày, tháng, năm sản xuất

Số lượng

Ngày, tháng, năm nhập kho

7.5. Công việc bảo quản

7.5.1. Khi làm công tác bảo quản trong kho, thủ kho phải sử dụng quần áo bảo hộ lao động, khẩu trang, găng tay...

7.5.2. Hằng ngày kiểm tra kho, nhiệt độ và độ ẩm, nếu thấy có biến động (bè cứu sinh nhẹ bị đổ, có chuột, kho bị dột...) thì tìm hiểu nguyên nhân và chủ động có biện pháp xử lý kịp thời, nếu vượt quá khả năng và quyền hạn thì báo cáo ngay với lãnh đạo đơn vị hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp quản lý để có biện pháp giải quyết.

7.5.3. Mỗi tuần tối thiểu 01 lần dùng chổi mềm hoặc máy hút bụi tiến hành làm sạch bụi bẩn, mạng nhện phía ngoài bao bì bè cứu sinh, giá kê, nền, trần kho và tường kho

7.5.4. Ba tháng một lần tiến hành đảo bè cứu sinh nhẹ theo tuần tự "trên xuống, dưới lên" giữa các bè cứu sinh nhẹ trong cùng 1 tầng và giữa các tầng.

7.5.5. Mỗi năm một lần dỡ bè cứu sinh nhẹ bảo quản trong kho và nhẹ nhàng bỏ bao bì ra, dùng dẻ mềm, sạch, khô hoặc máy hút bụi làm sạch cẩn thận

từng chiếc. Kiểm tra dây bám, dây lưới của sàn, tay bám của bè, nếu có đột biến phải báo cáo lên cấp trên. Làm sạch trong, ngoài bao bì, nhẹ nhàng cho bè cứu sinh vào để bảo quản như ban đầu, đồng thời tiến hành tổng vệ sinh kho tàng, sửa chữa cửa và các thiết bị trong kho (nếu cần thiết).

7.5.6. Định kỳ kiểm tra: sau thời gian 4 năm bảo quản thì lấy bất kỳ một mẫu bè cứu sinh nhẹ đi kiểm tra theo các chỉ tiêu mà Cục Đăng kiểm đã quy định. Từ những năm tiếp theo thì cứ 2 năm lấy mẫu một lần kiểm tra, nếu kết quả chất lượng bè có gì đột biến, phải báo cáo ngay với thủ trưởng đơn vị để kịp thời xử lý.

7.5.7. Trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm bình thường (nhiệt độ từ 20 - 35°C, ẩm độ từ 70 - 90%), bè cứu sinh nhẹ nhập kho dự trữ quốc gia được bảo quản thời gian tối đa là 8 năm.

8. Xuất hàng

8.1. Khi có lệnh xuất bè cứu sinh nhẹ, thủ kho chuẩn bị đủ sổ sách, giấy tờ có liên quan và nhân lực bốc xếp.

8.2. Kiểm tra chất lượng, số lượng hàng dự kiến xuất.

8.3. Xuất hàng theo nguyên tắc: hàng trong thời gian bảo quản, đảm bảo sử dụng được; hàng nhập trước xuất trước, hàng nhập sau xuất sau, xuất gọn từng lô hàng. Xuất đúng số lượng, đúng chủng loại.

8.4. Khi xuất hàng xong phải hoàn chỉnh các thủ tục, chứng từ giao nhận theo đúng quy định.

9. Chế độ ghi chép sổ sách và báo cáo

9.1. Các kho bảo quản bè cứu sinh nhẹ đều phải lập thẻ kho cho mỗi loại kiểu bè, ghi đủ các nội dung, thủ tục theo đúng chế độ kế toán.

9.2. Có sổ nhật ký đóng dấu giáp lai theo dõi công tác bảo quản, ghi chép cụ thể nội dung các công việc đã làm, những vấn đề tồn tại, diễn biến trong ngày, trong quá trình bảo quản (số lượng, chất lượng). Theo dõi và ghi chép nhiệt độ, độ ẩm trong kho hàng ngày.

9.3. Sổ sách và các loại giấy tờ liên quan đến kho hàng để đúng nơi quy định của Ngành.

9.4. Sau mỗi đợt nhập, xuất hàng định kỳ và diễn biến bất thường, tổng kho báo cáo lên Dự trữ Quốc gia khu vực về số lượng và chất lượng hàng trong quá trình nhập, xuất và bảo quản

9.5. Theo quý, Dự trữ quốc gia khu vực tổng hợp, báo cáo Cục Dự trữ Quốc gia tình hình thực hiện công tác bảo quản, diễn biến chất lượng hàng, khó khăn tồn tại và những kiến nghị cần giải quyết.

9.6. Khi hết thời hạn bảo quản mà lô hàng không được sử dụng cần báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định hiện hành, không ảnh hưởng đến môi trường.